TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 383/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đức Hiếu
2. Bà Nguyễn Thị Lý

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa:* Bà Trần Lê Phượng - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 294/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ Th, sinh năm: 1984; địa chỉ: Số 134 đường Ph, tổ 09, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Ngọc Q, sinh năm: 1982; địa chỉ: Số 478 đường V, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 29/7/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ Th trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Ngọc Q kết hôn với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2011 ngày 27/4/2011), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại địa chỉ số 478 đường V, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào năm 2019. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, không có tiếng nói chung nên thường xuyên có lời qua tiếng lại, ông Q bạo lực gia đình nhiều lần đánh đập bà, hiện tại bà và ông Q

đã sống ly thân gần một năm, phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay bà nhận thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau, sống không hạnh phúc, không có tiếng nói chung nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn ông Phạm Ngọc Q.

- Về con chung: Bà Thịnh xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Ngọc S, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2011 và Phạm Ngọc Mai Tr, sinh ngày 05/12/2013. Ly hôn bà Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Phạm Ngọc Mai Tr và giao cháu Phạm Ngọc S cho ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

- Về tài sản chung: Bà Th xác nhận không có

- Về nợ chung: Bà Th xác nhận không có

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 06/9/2022, bị đơn ông Phạm Ngọc Q trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị Mỹ Th về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với cha mẹ ông tại phường H. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình quan điểm sống không hợp, đôi lúc cũng có xảy ra mâu thuẫn, lời qua tiếng lại, ông thừa nhận có lần ông đã đánh bà Th do bà Th có thái độ và lời nói hỗn với ông và cha mẹ ông. Tuy nhiên, những mâu thuẫn đó chưa đến mức trầm trọng, ông vẫn còn yêu thương bà Th nên ông không đồng ý ly hôn và muốn đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình.

- Về con chung: Ông Q xác nhận vợ chồng có 02 con chung như bà Th trình bày. Trường hợp Tòa án xử cho ly hôn thì ông đồng ý với yêu cầu của bà Th về việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông Q xác nhận không có.

- Về nợ chung: Ông Q xác nhận không có.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa:*

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như không đến Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất, không tham gia phiên tòa.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mỹ Th, xử cho bà Lê Thị Mỹ Th được ly hôn ông Phạm Ngọc Q.

+ Về quan hệ con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Mai Tr cho bà Lê Thị Mỹ Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Phạm Ngọc S cho ông Phạm Ngọc

Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

+ Về tài sản chung: Bà Th và ông Q xác nhận không có.

+ Về nợ chung: Bà Th và ông Q xác nhận không có.

+ Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Bà Lê Thị Mỹ Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Phạm Ngọc Q trú tại địa chỉ số 478 đường V, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Bị đơn ông Phạm Ngọc Q có đơn đề nghị hoãn phiên tòa vì lý do con ông bị ốm đang điều trị tại bệnh viện, ông là người đang chăm sóc cho con nên không tham gia phiên tòa được. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương thì 02 con ông là Phạm Ngọc Mai Tr và Phạm Ngọc S đang khỏe mạnh ở nhà, không nhập viện để điều trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp đề nghị hoãn phiên tòa của ông Q.

[1.3] Ông Phạm Ngọc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứu hai tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Q.

[2**]** *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ Th và ông Phạm Ngọc Q kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông Q là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình ông Q tại địa chỉ số 478 đường V, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Bà Th cho rằng vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên có lời qua tiếng lại, ông Q nhiều lần dùng bạo lực đối với bà. Đồng thời, giữa bà và cha mẹ chồng cũng có mâu thuẫn nhiều lần xảy ra lời qua tiếng lại, ba mẹ chồng và ông Q đuổi bà ra khỏi nhà nên bà phải thuê nhà sống riêng. Bà Th xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà không còn thương yêu ông Q, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Q. Còn ông Q cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, có lần ông đánh bà Th do bà Th có thái độ và lời nói hỗn đối với cha mẹ ông và ông, không kiềm chế được bản thân nên ông có đánh bà Th. Tuy nhiên, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, ông vẫn còn thương yêu bà Th. Nay bà Th yêu cầu ly hôn ông không đồng ý, ông yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con trưởng thành.

Xét thấy, căn cứ vào lời khai của bà Th và ông Q, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, kết quả xác minh cho thấy trong quá trình chung sống giữa bà Th

và ông Q có xảy mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, giữa bà Th và ông Q, giữa bà Th và cha mẹ ông Q thường xuyên có lời qua tiếng lại, thậm chí nhiều lần ông Q không kiềm chế được bản thân nên có dùng bạo lực với bà Th, vợ chồng sống không hạnh phúc. Bà Th và ông Q không sống chung với nhau từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay, bà Th thuê nhà ở riêng cùng với con gái là cháu Phạm Ngọc Mai Tr còn ông Q vẫn đang sinh sống cùng với cha mẹ và cháu Phạm Ngọc S tại địa chỉ số 478 đường V, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, không ai có trách nhiệm với ai. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà Th và ông Q là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn không còn. Mặc dù, ông Q không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th nhưng ông Q không đưa ra được những giải pháp để khắc phục tình trạng hôn nhân rạn nứt của hai vợ chồng. Do vậy, cho bà Th được ly hôn với ông Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Th và ông Q xác nhận ông bà có 02 con chung là Phạm Ngọc S, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2011 và Phạm Ngọc Mai Tr, sinh ngày 05/12/2013. Ly hôn, bà Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Phạm Ngọc Mai Tr và giao con Phạm Ngọc S cho ông Q chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Ông Q đồng ý với yêu cầu của bà Th. Đồng thời, cháu S cũng có nguyện vọng được sống chung với ông Q, cháu Tr có nguyện vọng được sống chung với bà Thịnh. Do vậy, nên giao con Phạm Ngọc Mai Tr cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con Phạm Ngọc S cho ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Th và ông Q xác nhận không có.

[2.4] *Về* nợ chung: Bà Th và ông Q xác nhận không có.

[3] *Về an phí:* Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lê Thị Mỹ Th phải chịu là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; các điều 147, 227, 228, 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Mỹ Th được ly hôn ông Phạm Ngọc Q.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Phạm Ngọc Mai Tr, sinh ngày 05/12/2013 cho bà Lê Thị Mỹ Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung tên Phạm Ngọc S, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2011 cho ông Phạm Ngọc Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Hai bên đương sự có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lê Thị Mỹ Th phải chịu là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số số 0002026 ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bà Lê Thị Mỹ Th đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Mỹ Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Phạm Ngọc Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tp Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục thi hành án;
- UBND phường H;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Lệ Hằng